TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2025
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Xuân Toàn,

Ông Phạm Hồng Chương

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2025/HNGĐ-ST ngày 10/7/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên toà số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn M, sinh ngày: 21/12/1989, CCCD: 042089008754, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, xã N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Hàn Quốc;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày: 12/02/1988, CCCD: 042188011770, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, xã N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang du học tại Hàn Quốc.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Anh Lê Văn T1, sinh năm: 1989, địa chỉ: Tổ dân phố A, xã N, tỉnh Hà Tĩnh;

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1976, địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà, có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai của nguyên đơn, ghi nhận ý kiến của bị đơn, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tự do tìm hiểu, yêu thương, ngày 04/01/2023, chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân xã N), tỉnh Hà Tĩnh, theo Sổ đăng ký số 03/2023. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại tổ dân phố A, xã N được 01 (một) tháng thì anh M đi lao động tại Hàn Quốc và 06 (sáu) tháng sau bảo lãnh cho chị T sang Hàn Quốc theo diện du học sinh. Tuy nhiên, vợ chồng không sống chung do nơi làm việc, học tập khoảng cách xa xôi, đi lại không thuận lợi. Vợ chồng dần ít liên lạc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm, lối sống. Anh M, chị T ly thân từ khoảng tháng 11 năm 2023. Đến nay, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Lê Văn M khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh Lê Văn M, chị Nguyễn Thị T chưa có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bằng hình thức gọi điện thoại ghi hình có âm thanh kết nối từ facebook “Điểm Nguyễn Thị " đến facebook “Thuỷ Nguyễn”, bị đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày: Thống nhất với về thời gian, địa điểm kết hôn, thời điểm, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng vợ chồng hiện nay như nội dung đơn khởi kiện của anh Lê Văn M. Chị T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh M chưa có con chung, không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt và ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ cho chị gái là bà Nguyễn Thị Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, ghi nhận nội dung sự việc do người tham gia tố tụng khác – bà Nguyễn Thị Đ cung cấp: Chị Nguyễn Thị T là em gái của bà Đ, hiện đang du học tại Hàn Quốc, bà không biết địa chỉ cụ thể của chị T nên không cung cấp được cho Toà án. Tuy nhiên, chị T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại và bà đã thông báo cho chị T thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M, bà không biết nguyên nhân cụ thể. Bà đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ, cam đoan thông tin đầy đủ cho chị T.

Toà án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện chị Nguyễn Thị T hiện đăng ký thường trú tại địa phương nhưng vắng mặt vì đang du học ở nước ngoài. Về mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân chính quyền không nắm bắt được thông tin cũng như chưa hoà giải tranh chấp hôn nhân gia

đình lần nào. Về yêu cầu của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 228, 238, điểm b khoản 2 Điều 464, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn M. Tuyên xử anh Lê Văn M, chị Nguyễn Thị T ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh M chưa có con chung, không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: Buộc anh Lê Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Về quyền kháng cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 968/QLXC-Đ1 ngày 21/7/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H cung cấp thông tin: Bị đơn – chị Nguyễn Thị T xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 27/8/2023 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh; nơi đăng ký thường trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại xã N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để xác minh về địa chỉ, quan điểm của bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Chị Nguyễn Thị T không đến Toà án làm việc cũng như không gửi văn bản, tài liệu trình bày ý kiến. Do đó, Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, thông báo thời gian tố tụng, lấy ý kiến của bị đơn thông qua người thân hiện đang sinh sống tại Việt Nam đồng thời thông báo 03 (ba) số liên tiếp trên kênh VOV Word của Đ tiếng nói Việt Nam.

[1.3] Anh Lê Văn M có mặt tại Toà án nộp đơn khởi kiện, trình bày bản tự khai và làm việc sau khi Toà án thụ lý vụ án. Sau đó, anh M xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc và uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng cho anh Lê Văn T1. Do

đó, Toà án tống đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn thông qua người đại diện theo uỷ quyền.

[1.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có ý kiến (nguyên đơn có văn bản, bị đơn có ý kiến) yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn M và chị Nguyễn Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/01/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân xã N), tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh Lê Văn M, chị Nguyễn Thị T là hợp pháp.

[2.2] Xác định tình trạng hôn nhân: Anh Lê Văn M, chị Nguyễn Thị T phát sinh mâu thuẫn trong quá trình sống chung, trở nên trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2023 khi anh M, chị T sang Hàn Quốc học tập và làm việc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có mục đích hàn gắn mâu thuẫn, tình cảm phai nhạt dần, không còn sự quan tâm, chăm sóc. Anh M, chị T không mong muốn đoàn tụ và yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

[2.3] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ… nhưng hôn nhân của anh Lê Văn M, chị Nguyễn Thị T không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.4] Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình quy định: *" Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng".*

[2.5] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51*); *"Ly hôn theo yêu cầu của một bên: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* (khoản 1 Điều 56).

[2.6] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa anh Lê Văn M, chị Nguyễn Thị T không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm

trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn M như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho anh Lê Văn M, chị Nguyễn Thị T ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Quan hệ con chung: Lê Văn M, chị Nguyễn Thị T chưa có con chung nên miễn xét.

[2.8] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn M phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 238, 266, điểm b khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn M, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn M, sinh ngày: 21/12/1989, CCCD: 042089008754, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, xã N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Hàn Quốc và chị Nguyễn Thị T, sinh ngày: 12/02/1988, CCCD: 042188011770, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, xã N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang du học tại Hàn Quốc: Ly hôn.

2. Về con chung: Anh Lê Văn M, chị Nguyễn Thị T chưa có con chung nên miễn xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Lê Văn M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình

sơ thẩm. Anh M đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0000862 ngày 11/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV3- Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- UBND xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nữ Ngọc Diệp

`